

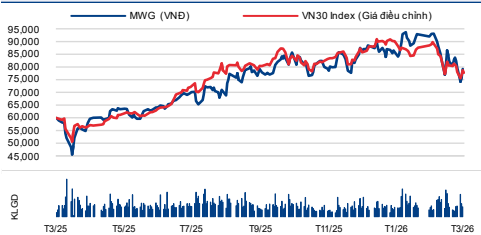
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ108,200
Tiềm năng tăng/giảm: 37.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (26/3/2026)	78,500
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,593-93,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	76,975
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	115,271
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,374
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,468
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	720
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1.87
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	60.6%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,458	189,125	218,937
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,969	11,871	13,470
LNTT (tỷ đồng)	8,636	11,226	14,199
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,037	8,826	11,149
FCF (tỷ đồng)	5,204	5,707	6,721
EPS ĐC (đồng)	4,936	5,983	7,486
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	22,203	27,214	33,501
T.trưởng EBITDA (%)	28.2	32.4	13.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	88.6	24.6	25.1
Tăng trưởng DPS (%)	100	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.73	6.28	6.15
Tỷ suất LNTT (%)	5.52	5.94	6.49
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.50	4.67	5.09
Tỷ lệ LN trả CT (%)	20.8	16.7	13.4
Nợ thuần/VCSH (%)	77.1	60.1	49.7
ROAE (%)	23.3	24.3	24.7
ROACE (%)	23.1	25.5	26.2
EV/doanh thu (lần)	0.90	0.74	0.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.6	11.8	10.5
P/E ĐC (lần)	15.9	13.1	10.5
P/B (lần)	3.54	2.88	2.34
Lợi suất cổ tức (%)	1.27	1.27	1.27

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh
Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Giữ nguyên mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận thuần 31%

- MWG giữ nguyên kế hoạch kinh doanh năm 2026, kỳ vọng lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 9.200 tỷ đồng (tăng trưởng 31%) và 185.000 tỷ đồng (tăng trưởng 18%). Trong đó, mục tiêu doanh thu thuần thấp hơn 2% so với dự báo của HSC, trong khi mục tiêu lợi nhuận thuần lại cao hơn 4% so với dự báo.
- Cho năm 2026, MWG đề xuất tăng gấp đôi cổ tức bằng tiền mặt lên 2.000đ/cp, trong khi tiếp tục giảm tỷ lệ phát hành cổ phiếu ESOP xuống còn tối đa 0,2% cổ phiếu đang lưu hành (so với mức 0,5% của năm 2025), nhằm phản ánh nỗ lực cân bằng giữa việc khuyến khích nhân viên và lợi ích của cổ đông.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 108.200đ.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2026

MWG đã công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2026, dự kiến diễn ra vào ngày 18/4/2026. Nội dung tài liệu bao gồm KHKD năm 2026, phương án chia cổ tức và các đề xuất về chương trình phát hành cổ phiếu ESOP. Những thông tin chính như sau.

KHKD năm 2026: Lợi nhuận thuần 9.200 tỷ đồng; tăng trưởng 31%

MWG giữ nguyên kế hoạch kinh doanh năm 2026, kỳ vọng lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 9.200 tỷ đồng (tăng trưởng 31%) và 185.000 tỷ đồng (tăng trưởng 18%). Mục tiêu doanh thu thuần thấp hơn 2% so với kỳ vọng 189.125 tỷ đồng của chúng tôi, trong khi mục tiêu lợi nhuận thuần lại cao hơn 4% so với kỳ vọng 8.861 tỷ đồng.

Trong đó, chuỗi Điện Máy Xanh dự kiến sẽ đóng góp 65% doanh thu thuần và 80% lợi nhuận thuần của MWG; còn chuỗi Bách Hóa Xanh được dự báo sẽ đóng góp 30% doanh thu thuần và gần 20% lợi nhuận thuần.

Cổ tức bằng tiền năm 2026: 2.000đ/cp

BLĐ đề xuất cổ tức bằng tiền mặt năm 2026 ở mức 2.000đ/cp, cao gấp đôi so với mức 1.000đ/cp của năm 2025. Đợt chi trả đầu tiên ở mức 1.000đ/cp dự kiến sẽ được thực hiện trong Q3/2026, và phần còn lại sẽ được chi trả vào Q4/2026, tương ứng với lợi suất cổ tức 2,5%. HSC đánh giá việc tăng mức chi trả cổ tức là tín hiệu tích cực, cho thấy MWG đang ngày càng chú trọng hơn vào lợi ích của cổ đông.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026, MWG

Tỷ đồng	2025	2026 kế hoạch	Tăng trưởng	2026 HSCF	Tăng trưởng	Kế hoạch / dự báo
Doanh thu thuần	156,458	185,000	18%	189,125	21%	98%
ĐMX	107,219	123,000	15%	123,721	15%	99%
BHX	46,899	59,000	26%	62,851	34%	94%
Lợi nhuận thuần	7,037	9,200	31%	8,861	26%	104%
ĐMX	6,174	7,400	20%	7,550	22%	98%
BHX	750	1,800	140%	1,729	131%	104%

Nguồn: HSC ước tính

Giảm tỷ lệ phát hành cổ phiếu ESOP xuống còn 0,2% cổ phiếu đang lưu hành

Theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2025, dựa trên lợi nhuận thuần thực tế và diễn biến giá cổ phiếu năm 2025, lượng cổ phiếu ESOP năm 2025 (sẽ được phát hành trong năm 2026) là 7.342.117 cổ phiếu, giảm 58% so với cùng kỳ, tương đương 0,5% số cổ phiếu đang lưu hành.

Cho năm 2026, MWG đề xuất hạn mức phát hành ESOP từ 0 - 3 triệu cổ phiếu (0 - 0,2% cổ phiếu đang lưu hành), tùy thuộc vào KQKD thực tế:

- Nếu hoàn thành mục tiêu lợi nhuận thuần năm 2026: Phát hành 2 triệu cổ phiếu.
- Cứ mỗi 1% vượt kế hoạch lợi nhuận thuần năm 2026, công ty phát hành thêm 50.000 cổ phiếu. Phần thưởng thêm này bị giới hạn tối đa là 1 triệu cổ phiếu (tương ứng với mức vượt kế hoạch 20%).

Chúng tôi lưu ý rằng số lượng cổ phiếu ESOP đã giảm dần trong những năm gần đây, có khả năng phản ánh những nỗ lực nhằm cân bằng giữa chính sách khuyến khích nhân viên và lợi ích của cổ đông.

Bảng 2: Lịch sử phát hành ESOP của MWG

Năm cơ sở	Năm phát hành	Ngày niêm yết	Số lượng cổ phiếu ESOP phát hành mới	% số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Giá trị ESOP (*) (tỷ đồng)	Lợi nhuận thuần năm cơ sở (tỷ đồng)	Giá trị ESOP / lợi nhuận thuần
2026	2027	Trong năm 2027	Tối đa 3,000,000	Tối đa 0.2%	Tối đa 213	9,200	Tối đa 2%
2025	2026	Trong năm 2026	7,342,117	0.50%	521	7,037	7%
2024	2025	14-5-25	17,449,000	1.19%	747	3,722	20%
2021	2022	26-4-22	19,190,970	2.69%	2,664	4,899	54%
2020	2021	3-2-21	13,578,176	3.00%	1,688	3,918	43%
2019	2020	4-1-20	9,306,970	2.10%	1,014	3,834	26%
2018	2019	23-1-19	12,729,511	2.87%	1,324	2,879	46%
2017	2018	3-1-18	9,222,648	2.91%	710	2,206	32%

(*) Giá trị ESOP = Số lượng cổ phiếu ESOP × (giá thị trường – giá phát hành)
Nguồn: MWG, HSC ước tính

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận, khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 108.200đ. Chi tiết về các dự báo lợi nhuận và định giá có thể được tìm thấy trong báo cáo chúng tôi phát hành ngày 24/3/2026 [‘Bán lẻ hàng công nghệ: Các doanh nghiệp lớn có vị thế tốt; DGW & MWG là lựa chọn hàng đầu’](#).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	134,341	156,458	189,125	218,937	249,940
Lợi nhuận gộp	27,499	30,294	36,495	42,614	49,291
Chi phí BH&QL	(23,416)	(23,215)	(27,053)	(30,613)	(35,319)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,084	7,078	9,441	12,001	13,972
Lãi vay thuần	1,188	1,565	1,875	2,287	3,055
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(44.6)	24.4	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(401)	(31.0)	(90.0)	(90.0)	(90.0)
LNTT	4,826	8,636	11,226	14,199	16,937
Chi phí thuế TNDN	(1,092)	(1,561)	(2,313)	(2,904)	(3,457)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(11.4)	(38.9)	(86.6)	(146)	(179)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,722	7,037	8,826	11,149	13,301
Lợi nhuận thuần ĐC	3,722	7,037	8,826	11,149	13,301
EBITDA ĐC	6,997	8,969	11,871	13,470	15,443
EPS (đồng)	2,546	4,800	5,983	7,486	8,843
EPS ĐC (đồng)	2,546	4,936	5,983	7,486	8,843
DPS (đồng)	500	1,000	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,462	1,466	1,475	1,489	1,504
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,461	1,468	1,476	1,491	1,505
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,461	1,468	1,476	1,491	1,505
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	4,897	5,000	6,036	5,407	5,091
Đầu tư ngắn hạn	29,324	33,874	40,874	49,874	60,874
Phải thu khách hàng	8,826	10,153	10,916	12,538	14,185
Hàng tồn kho	22,245	27,267	31,320	34,823	38,216
Các tài sản ngắn hạn khác	544	921	1,110	1,295	1,488
Tổng tài sản ngắn hạn	65,836	77,215	90,256	103,938	119,855
TSCĐ hữu hình	3,523	2,540	1,247	1,293	1,356
TSCĐ vô hình	63.5	58.1	58.1	57.7	57.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	2,765	2,765	2,765	2,765
Đầu tư vào Cty LD,LK	242	371	371	371	371
Tài sản dài hạn khác	773	1,009	1,046	1,147	1,252
Tổng tài sản dài hạn	4,601	6,744	5,487	5,633	5,802
Tổng cộng tài sản	70,438	83,959	95,743	109,571	125,656
Nợ ngắn hạn	27,300	29,931	29,931	29,931	29,931
Phải trả người bán	9,180	13,124	15,740	18,212	20,786
Nợ ngắn hạn khác	5,054	6,615	7,916	9,145	10,424
Tổng nợ ngắn hạn	42,316	50,780	54,918	58,828	62,900
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	42,316	50,780	54,918	58,828	62,900
Vốn chủ sở hữu	27,758	32,604	40,162	49,935	61,769
Lợi ích cổ đông thiểu số	364	576	662	808	987
Tổng vốn chủ sở hữu	28,122	33,179	40,824	50,743	62,756
Tổng nợ phải trả và VCSH	70,438	83,959	95,743	109,571	125,656
BVPS (đ)	18,993	22,203	27,214	33,501	41,030
Nợ thuần*/(tiền mặt)	22,403	24,931	23,895	24,524	24,840

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	4,084	7,078	9,441	12,001	13,972
Khấu hao	(2,913)	(1,891)	(2,430)	(1,468)	(1,471)
Lãi vay thuần	1,188	1,565	1,875	2,287	3,055
Thuế TNDN đã nộp	(959)	(1,546)	(2,493)	(3,073)	(3,634)
Thay đổi vốn lưu động	3,224	(300)	(867)	(400)	(162)
Khác	(1,933)	(2,590)	(3,185)	(4,048)	(4,890)
LCT thuần từ HĐKD	8,517	6,097	7,201	8,235	9,812
Đầu tư TS dài hạn	(304)	(892)	(1,494)	(1,514)	(1,534)
Góp vốn & đầu tư	(52,159)	(57,063)	(7,000)	(10,000)	(12,000)
Thanh lý	38,344	48,784	0	0	0
Khác	2,376	2,510	3,731	3,994	4,761
LCT thuần từ HĐĐT	(11,743)	(6,662)	(4,763)	(7,520)	(8,773)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(1,478)	(1,476)	(1,491)	(1,505)
Thu từ phát hành CP	1,762	(532)	73.4	148	149
Tăng/giảm nợ	1,726	2,678	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,757	667	(1,402)	(1,343)	(1,356)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,366	4,897	5,000	6,036	5,407
LCT thuần trong kỳ	(468)	103	1,036	(628)	(317)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.10	0.06	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	4,897	5,000	6,036	5,407	5,091
Dòng tiền tự do	8,214	5,204	5,707	6,721	8,278
Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	20.5	19.4	19.3	19.5	19.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.73	6.28	6.15	6.18
Tỷ suất LNT (%)	2.77	4.50	4.67	5.09	5.32
Thuế TNDN hiện hành (%)	22.6	18.1	20.6	20.5	20.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	13.6	16.5	20.9	15.8	14.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	86.2	28.2	32.4	13.5	14.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	2,120	89.1	25.4	26.3	19.3
Tăng trưởng EPS (%)	2,121	88.6	24.6	25.1	18.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	2,121	93.9	21.2	25.1	18.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	19.6	20.8	16.7	13.4	11.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.6	23.3	24.3	24.7	23.8
ROACE (%)	14.2	23.1	25.5	26.2	24.6
Vòng quay tài sản (lần)	2.06	2.03	2.10	2.13	2.13
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	2.09	0.86	0.76	0.69	0.70
Số ngày tồn kho	76.0	78.9	74.9	72.1	69.5
Số ngày phải thu	30.2	29.4	26.1	26.0	25.8
Số ngày phải trả	31.4	38.0	37.6	37.7	37.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	81.0	77.1	60.1	49.7	40.8
Nợ/tài sản (%)	38.9	35.9	31.5	27.6	24.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	3.91	3.36	2.54	2.24	1.96
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.56	1.52	1.64	1.77	1.91
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.02	0.90	0.74	0.65	0.57
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.6	15.6	11.8	10.5	9.26
P/E (lần)	30.8	16.4	13.1	10.5	8.88
P/E ĐC (lần)	30.8	15.9	13.1	10.5	8.88
P/B (lần)	4.13	3.54	2.88	2.34	1.91
Lợi suất cổ tức (%)	0.64	1.27	1.27	1.27	1.27

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn